PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 188/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản, các loài thủy sản có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ; gắn với quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác thủy sản nhằm phát triển ngành khai thác thủy sản bền vững, đồng thời giữ gìn tính đa dạng sinh học của tài nguyên sinh vật biển Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2015, hoàn thành việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi; đưa công tác dự báo nguồn lợi, ngư trường, mùa vụ khai thác là công việc thường xuyên của cơ quan quản lý và nghiên cứu khoa học. Trước mắt, ưu tiên dự báo về nguồn lợi, ngư trường và mùa vụ khai thác một số nhóm đối tượng khai thác chủ lực tại các vùng biển xa bờ;

b) Đến năm 2015, thành lập và đưa vào hoạt động 10 khu bảo tồn biển và 19 khu bảo tồn vùng nước nội địa. Đến năm 2020, hoàn thiện và đưa các khu bảo tồn

trong quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển và khu bảo tồn vùng nước nội địa tại Việt Nam vào hoạt động;

c) Đến năm 2015, hoàn thành việc quy hoạch vùng cấm khai thác, vùng cấm khai thác thủy sản có thời hạn, đồng thời công bố danh mục các loại nghề cấm, đối tượng cấm;

d) Đến năm 2020, cơ bản phục hồi nguồn lợi hải sản vùng ven bờ, đặc biệt là một số loài hải sản làm nguyên liệu chế biến cho các sản phẩm thủy sản gắn với làng nghề truyền thống có thương hiệu tại Việt Nam;

đ) Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ nguồn lợi cho cộng đồng ngư dân, trong đó tập trung đối tượng là ngư dân khai thác thủy sản vùng ven bờ và đối tượng là thanh thiếu niên, học sinh trên toàn quốc.

II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Điều tra nguồn lợi

a) Điều tra nguồn lợi hải sản tại các vùng biển xa bờ, trong đó ưu tiên điều tra nguồn lợi một số nhóm đối tượng khai thác chủ lực, có giá trị kinh tế, có sản lượng lớn;

b) Điều tra đánh giá nguồn lợi vùng ven biển, khả năng cho phép khai thác bền vững; trong đó ưu tiên điều tra khu vực tập trung các bãi giống, bãi đẻ của các loài thủy sản;

c) Điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng nội địa, trong đó ưu tiên điều tra tại các lưu vực sông, hồ lớn, có các giống loài thủy sản đặc hữu, có tính đa dạng sinh học cao;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi thủy sản (cả nguồn lợi hải sản và nguồn lợi thủy sản nội địa) phục vụ công tác quản lý và dự báo.

2. Ngăn chặn sự suy giảm nguồn lợi

a) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm, kịp thời các hoạt động khai thác thủy sản vi phạm pháp luật, đặc biệt là các hoạt động khai thác mang tính hủy diệt (xung điện, chất nổ), sử dụng các ngư cụ cấm khai thác;

b) Trên cơ sở điều tra nguồn lợi, điều chỉnh, cơ cấu lại các nghề khai thác thủy sản, đảm bảo phù hợp với khả năng khai thác cho phép theo hướng không phát triển và giảm dần một số loại nghề khai thác thiếu lựa chọn, khai thác thủy sản còn non ở vùng ven bờ. Tại các địa phương ven biển, phát huy vai trò của cộng đồng ngư dân để tổ chức lại sản xuất theo hướng phát triển các hình thức kinh tế tập thể, đồng thời gắn với trách nhiệm cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi, môi trường sống của các loài thủy sản ven bờ và xây dựng nông thôn mới.

3. Bảo tồn nguồn lợi thủy sản

a) Thành lập và đưa vào hoạt động 16 khu bảo tồn biển và 45 khu bảo tồn vùng nước nội địa tại Việt Nam trong quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn đã được phê duyệt;

b) Thành lập 03 trạm cứu hộ động vật biển tại 3 vùng Bắc, Trung, Nam;

c) Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bổ sung danh mục các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa.

4. Phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản và các hệ sinh thái

a) Thả bổ sung hàng năm vào một số thủy vực tự nhiên có điều kiện một số loài thủy sản bản địa, quý hiếm, loài có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học nhằm khôi phục nguồn lợi, tăng mật độ quần thể của các loài thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, lập lại cân bằng sinh thái, ổn định quần xã sinh vật thủy sinh trong các thủy vực;

b) Phục hồi một số hệ sinh thái điển hình như: San hô, cỏ biển, rừng ngập mặn tại các vùng biển có điều kiện và có vị trí quan trọng trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản; đồng thời thả rạn nhân tạo, tạo sinh cảnh, nơi cư trú, sinh sản và sinh trưởng của các loài thủy sản ở một số khu vực có điều kiện thuận lợi;

c) Khôi phục và bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, đặc biệt là các bãi sinh sản, nơi tập trung các loài thủy sản còn non, nơi cư trú của các loài thủy sản.

5. Các dự án ưu tiên (Phụ lục)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế, chính sách

a) Rà soát, bổ sung và xây dựng mới các văn bản quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản; trước mắt là các văn bản về quản lý các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa bảo đảm phù hợp các quy định của Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học và thực tiễn của ngành, của địa phương;

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hỗ trợ trong việc chuyển đổi sinh kế cho cộng đồng ngư dân, đặc biệt là ngư dân chủ yếu sống dựa vào khai thác nguồn lợi vùng ven bờ;

c) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thu, sử dụng để đưa quỹ tái tạo nguồn lợi thủy sản đi vào hoạt động có hiệu quả.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về mục đích công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng, đặc biệt là các đối tượng ngư dân làm nghề khai tác thủy sản và thanh thiếu niên, học sinh các cấp tại các địa phương ven biển; đồng thời huy động các tổ chức xã hội và nghề nghiệp tham gia các hoạt động để đưa công tác vận động, tuyên truyền sâu rộng, từng bước nâng cao nhận thức cho cộng đồng ngư dân trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

b) Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp với tập quán, với điều kiện và đối tượng của từng địa phương như: Xây dựng phim truyền hình, tiểu phẩm, ấn

phẩm; phát thanh, truyền hình trên báo, đài của địa phương; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu với sự tham gia của đông đảo cộng đồng ngư dân địa phương;

c) Nghiên cứu, biên soạn để đưa các nội dung về lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản vào chương trình ngoại khóa của trường học các cấp, trước mắt là cấp phổ thông trung học và đại học;

d) Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao nhằm kiện toàn hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3. Về khoa học, công nghệ và khuyến ngư

a) Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn giống bố, mẹ và hoàn thiện quy trình sản xuất giống nhân tạo một số loài thủy sản có giá trị kinh tế, loài thủy sản bản địa đặc hữu nhằm bổ sung nguồn giống thủy sản phục vụ công tác tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, phục hồi mật độ quần thể một số giống loài đang bị tập trung khai thác và có nguy cơ tuyệt chủng;

b) Ứng dụng công nghệ sử dụng vệ tinh viễn thám, định vị vệ tinh trong công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động của tàu cá nhằm bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh trên các vùng biển. Nghiên cứu việc gắn chíp điện tử theo dõi sự di cư đối với một số loài động vật thủy sản có giá trị kinh tế và khoa học như: Rùa biển, cá ngừ đại dương…;

c) Triển khai đề tài nghiên cứu khoa học về các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng nhằm bổ sung thông tin về đặc điểm sinh học, sinh thái, biến động quần thể, đề xuất loại hình bảo vệ thích hợp;

d) Triển khai nhanh, rộng các kết quả nghiên cứu về sản xuất giống, các loại nghề khai thác có chọn lọc, nâng cao hiệu quả nghề khai thác; các mô hình tổ chức sản xuất gắn với quản lý của cộng đồng để bảo vệ nguồn lợi và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư thông qua các hình thức khuyến ngư.

4. Về hợp tác quốc tế

a) Tăng cường hợp tác quốc tế về: Điều tra, nghiên cứu nguồn lợi thủy sản (cả trên biển và nội địa), quản lý các loài cá di cư, quản lý các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa xuyên quốc gia, chống đánh bắt bất hợp pháp với các nước thuộc lưu vực sông Mêkông…;

b) Chủ động và tích cực tham gia với các tổ chức quốc tế có liên quan như: ASEAN, SEAFDEC, FAO, NOAA… để trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm và thông qua các tổ chức này kêu gọi sự giúp đỡ, tài trợ về kinh nghiệm và kinh phí, kỹ thuật;

c) Tham quan, học tập, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về công tác quản lý các khu bảo tồn, về điều tra, nghiên cứu nguồn lợi với các nước trong khu vực và trên thế giới.

5. Về cơ chế tài chính

a) Ngân sách trung ương thực hiện các công việc: Đảm bảo kinh phí cho công tác điều tra, nghiên cứu nguồn lợi thủy sản; xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát biến động nguồn lợi thủy sản; xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản; xây dựng các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa do Trung ương quản lý; hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đầu tư xây dựng các hạng mục thiết yếu của các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa; kinh phí hoạt động của các dự án, nhiệm vụ thuộc chương trình do các cơ quan ở trung ương thực hiện;

b) Ngân sách địa phương cùng với hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện: Bảo đảm kinh phí cho các hoạt động của các dự án, nhiệm vụ thuộc chương trình do địa phương thực hiện; đầu tư xây dựng và quản lý các khu bảo tồn theo phân cấp;

c) Các nguồn vốn huy động khác: Huy động và kêu gọi tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để triển khai các nội dung, dự án của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình làm đầu mối giúp Bộ trưởng chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Bộ xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương tổ chức thực hiện Chương trình đảm bảo hiệu quả;

b) Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Chương trình; xây dựng mô hình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm; thành lập và quản lý các khu bảo tồn;

c) Sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm hàng năm, kịp thời nhân rộng các mô hình tốt; củng cố và tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan nghiên cứu, các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng của địa phương xây dựng, lập kế hoạch hoạt động cụ thể ở địa phương; lập và tổ chức thực hiện các dự án cụ thể; phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các nhà tài trợ thu hút nguồn vốn và sự hỗ trợ kỹ thuật nhằm thực hiện có hiệu quả các hoạt động của Chương trình.

3. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu, bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện chương trình; xây dựng thông tư hướng dẫn liên Bộ về cơ chế tài chính thực hiện Chương trình; nghiên cứu, xem xét việc bổ sung Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020 vào danh mục các chương trình hỗ trợ có mục tiêu.

4. Các Bộ, ngành liên quan: Căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng của mình chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình được phân công.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

NHÓM A. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Đơn vị: *Tỷ đồng*

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Kinh phí	Giai đoạn
1	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nguồn lợi thủy sản trên quy mô toàn quốc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đầu tư phát triển	50	2012-2015
2	Đầu tư xây dựng thí điểm 02 khu bảo tồn biển khu Bạch Long Vỹ, Nam Yết	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND TP Hải Phòng; Khánh Hòa	Đầu tư phát triển	40	2013-2020

NHÓM B. CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

Đơn vị: *Tỷ đồng*

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Kinh phí	Giai đoạn
1	Điều tra nguồn lợi hải sản vùng biển Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sự nghiệp môi trường	100	2016-2020
2	Điều tra nguồn lợi hải sản ven bờ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sự nghiệp môi trường	40	2012-2015
3	Điều tra nguồn lợi thủy sản vùng nội đồng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sự nghiệp môi trường	50	2012-2015
4	Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh	Sự nghiệp môi trường	80	2012-2020
5	Tái tạo, thả bổ sung giống thủy sản tại một số lưu vực sông và hồ chính	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh	Sự nghiệp kinh tế	50	2012-2020

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng